TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST Ngày: 17-5-2023 *"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Tin

2. Ông Nguyễn Chí Dựng .

- Thư ký phiên toà: Bà Đào Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023 tại hội trường xét xử tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXX-ST ngày 18 th¸ng 4 n¨m 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1988 (*có mặt*).

Nơi ĐKHKTT: Thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- ***Bị đơn:*** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1983 (*có mặt*).

Nơi ĐKHKTT: Thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Khu tái định cư thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành.

Địa chỉ: Thôn Lê Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Thị Thanh Tịnh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện uỷ quyền: Bà Lương Thị Lan - Phó Giám đốc, Trưởng phòng giao dịch xã Lê Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23-11-2005 tại UBND xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (*nay là thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương*). Sau khi kết hôn vợ chồng ở tại thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh, Kinh Môn, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 05-2022 phát sinh mâu thuẫn. Hiện vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2022 không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Theo chị T trình bày: Nguyên nhân chính là do anh B ham chơi không chăm lo phát triển kinh tế của gia đình. Ngoài ra anh B không chung thủy đối xử tệ bạc có những lời lẽ xúc phạm chị và gia đình. Từ tháng 5-2022 anh B thường xuyên đánh và chửi xúc phạm chị. Đến tháng 10-202 anh B đuổi chị và các con ra khỏi nhà. Vì vậy chị cùng 02 con đã về nhà mẹ đẻ tại thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để sinh sống cho đến nay.Trong suốt thời gian ly thân vợ chồng không liên lạc hay nói chuyện với nhau. Xét tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn vì mâu thuẫn đã trầm trọng, chị giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh B.

Theo anh B trình bày: Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do công việc làm ăn của anh B thất bại thua lỗ nhiều tiền. Một nguyên nhân nữa là trong quá trình nuôi dạy con cái vợ chồng thường bất đồng quan điểm nên thường xuyên xích mích, cãi vã. Từ khi ly thân tháng 10-2022, vợ chồng không liên lạc hay quan tâm đến nhau. Bản thân anh và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng chị T không đồng ý mà vẫn kiên quyết xin ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn trầm trọng không thể đoàn tụ được, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Hoàng Anh, sinh ngày 18-9-2006 và Phạm Đình Đức sinh ngày 19-02-2012, hiện chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị thỏa thuận thống nhất vợ chồng ly hôn giao cháu Phạm Thị Hoàng Anh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B nuôi dưỡng cháu Phạm Đình Đức cho đến khi các con chung đủ 18 trưởng thành khoẻ mạnh. Anh chị tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với nhau.

Về tài sản chung:

Chị T và anh B thống nhất vợ chồng có các tài sản chung gồm: Nhà ở một tầng diện tích 100m^2 và công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh bể nước xây bằng gạch chỉ đổ mái bê tông, bán mái, tường bao toạ lạc trên thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84 tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Kinh Môn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-12-2018 mang tên anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T; 01 chiếc xe ôtô nhãn hiệu Inova BKS 34A-264.32 mua năm 2018 với giá 600.000.000 đồng, năm 2022 bán được 335.000.000đ trả nợ lãi vay quỹ tín dụng 47.408.000đ còn lại 287.592.000đ (*anh chị thống nhất làm tròn còn 280.000.000đ*). Đối với một

số tài sản chung khác gồm tivi, tủ lạnh, xe máy, đồ dùng sinh hoạt anh chị tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị T, anh B xác định có công sức đóng góp tạo dựng nên khối tài sản chung ngang nhau nên chị đề nghị tòa án phân chia mỗi người 1/2 giá trị. Anh B có nhu cầu được sử dụng nhà đất, chị T sẽ lấy trị giá tài sản bằng tiền.

Theo chị T trình bày: Chị xác định vợ chồng còn có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208 m^2 tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Kinh Môn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 435119 vào sổ số CH 00865 ngày 19-12-2018 mang tên anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T. Nguồn gốc hình thành tài sản này là năm 2018 vợ chồng nhận được khoản tiền đền bù nhà đất đang ở tại khu Tiên Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương khoảng 1.600.000.000 đồng. Anh chị đã dùng 270.000.000 đồng để mua thửa đất trên xây dựng nhà và các công trình trên thửa đất này hết 1.000.000.000 đồng và trả nợ khoản tiền mua xe ôtô trước đó. Chị T đề nghị được nhận 1/2 giá trị của thửa đất bằng tiền.

Theo anh B trình bày : Đối với thửa đất số 124, lô 17 tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Phạm Văn B và Đỗ Thị T được cấp ngày 19-12-2018 anh xác định đây là tài sản riêng của anh. Nguồn gốc của thửa đất này là do trước khi kết hôn với chị T anh đã được bố mẹ tặng cho quyền sử dụng thửa đất tại thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2018 khi thực hiện chính sách giải phóng mặt bằng để xây dựng nhà máy thủy điện, anh đã được đền bù số tiền 1,6 tỷ đồng và mua diện tích đất đó. Tuy nhiên khi đi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này anh có trao đổi với cán bộ phòng tài nguyên môi trường huyện Kinh Môn làm riêng tên anh nhưng được giải thích do anh và chị T đã kết hôn nên phải có tên của cả hai vợ chồng trong giấy chứng nhận nên anh đã đồng ý. Nay anh B xác nhận đây là tài sản của riêng anh không phải tài sản chung như chị T trình bày vì vậy không chia mà trả lại toàn bộ cho anh được hưởng.

Về nợ: Anh B và chị T xác nhận có vay Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành, Phòng giao dịch Lê Ninh số tiền là 1.200.000.000 đồng vào ngày 05-01-2022 mục đích để đầu tư bất động sản. Để đảm bảo khoản vay này, anh chị đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Hiện nay, anh chị chưa trả được tiền gốc, số tiền lãi được anh B trả hàng tháng cho đến khi anh chị ly thân. Nay chị T và anh B mỗi người có trách nhiệm trả ½ khoản nợ chung.

Trình bày của Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành: Ngày 05-01-2022 vợ chồng chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B đã ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 0722007/HĐTD vay của Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành số tiền 1.200.000.000đ, mục đích mua đất ở thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất chậm trả lãi 10%/năm. Phương thức trả nợ gốc 01 lần khi đến hạn 1 năm, trả lãi hàng tháng. Để đảm

bảo cho khoản vay chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B đã ký phụ lục của hợp đồng thế chấp số 001-2022/PLHĐ ngày 05-01-2022 thế chấp tài sản của vợ chồng anh chị là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 124, lô 17 tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 435119 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00865 do UBND huyện Kinh Môn cấp ngày ngày 19-12-2018. Việc thế chấp đã được lập hợp đồng công chứng tại UBND xã Lê Ninh và đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Kinh Môn cùng ngày 05-01-2022. Quá trình thực hiện hợp đồng anh B, chị T đã trả được số tiền lãi trong hạn là 76.729.000đ. Đến tháng 10.2022 vợ chồng chị T, anh B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán lãi vay, ngày 05- 01-2023 vi phạm nghĩa vụ trả gốc không thực hiện đúng cam kết theo hợp đồng đã ký, khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Quỹ tín dụng đã nhiều lần thông báo nhưng anh B, chị T nhận nợ nhưng vẫn không thanh toán cho ngân hàng. Tính đến ngày 30-3-2023 anh B, chị T còn nợ ngân hàng tổng sè tiÒn 1.276.542.000đ (gåm nợ gèc 1.200.000.000®, l·i 76.542.000). Đề nghị Tòa án giao nhà, đất cho ai thì người đó phải có trách nhiệm trả số nợ gốc 1.200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 30-3-2023 là 76.542.000 đồng. Trường hợp người được giao nhà đất không trả nợ được theo yêu cầu của Quỹ tín dụng thì đề nghị phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký kết.

Biên bản xác minh với Bí thư chi bộ, trưởng thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh: Ông là trưởng thôn Ninh Xá, xã Lê Ninh từ năm 2013 cho đến nay. Khoảng vài tháng trước, bà Bùi Thị Hòa(*mẹ đẻ chị Đỗ Thị T*) có đến trình báo với ông việc mẹ con chị T dọn về chung sống cùng bà do vợ chồng anh chị mâu thuẫn và ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể giữa chị T và anh B ông không tìm hiểu. Từ khi chị T dọn về sinh sống cùng mẹ đẻ, anh B không đến đón hay đến thăm con và chị T. Bố đẻ chị T đã chết từ năm 2014, mẹ đẻ chị là bà Bùi Thị Hòa hiện đang sinh sống cùng hai con trai. Nhà bà Hòa mới được xây dựng, kinh tế gia đình khá giả. Chị T hiện đang đi làm công ty, thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản xác minh với Phó Bí thư chi bộ, trưởng thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T chuyển đến khu tái định cư thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh từ năm 2018. Anh chị chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn có đánh và cãi nhau. Địa phương đã nhiều lần gặp gỡ động viên hòa giải. Từ khoảng tháng 10-2022 mẹ con chị T dọn về ở cùng mẹ đẻ tại Ninh Xá, Lê Ninh, Kinh Môn. Anh B đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Nay chị T xin ly hôn đề nghị tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của anh chị để giải quyết. Chị T và anh B có hai con chung, nếu tòa án giải quyết về tranh chấp nuôi con, đề nghị căn cứ vào nguyện vọng của các cháu và quy định của pháp luật để giải quyết.

Biên bản lấy lời khai bà Bùi Thị Hòa (mẹ đẻ của chị Đỗ Thị T): Chị T và anh B là người cùng xã, anh chị đã quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Lê Ninh năm 2005. Sau khi kết hôn, anh chị về

chung sống với nhau tại thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh, Kinh Môn. Nhà và đất này là tài sản mà bố mẹ anh B cho anh. Sau khi ở được mấy năm anh chị đã phá nhà ngói cũ đi để xây nhà cấp 4 và ở đó cho đến năm 2017. Do nhà đất này bị giải phóng mặt bằng nên anh chị đã được đền bù tiền và mua đất ở khu tái định cư thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, Kinh Môn. Chị T và anh B đã mua đất xây nhà và sinh sống ổn định tại đó. Đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Khi mới phát sinh mâu thuẫn chị T đã giấu không nói cho bà biết. Tháng 10 năm 2022 thì chị T cùng 02 con chuyển về sinh sống cùng với bà. Nguyên nhân mâu thuẫn bà không biết. Khi chị T dọn về nhà, bà thấy chị bị anh B đánh sưng mặt mũi. Kể từ khi ly thân anh B cũng như gia đình không đến gặp hay đến đón chị T cùng các cháu quay về. Bản thân anh B cũng không hỏi han hay quan tâm đến chị T và các con. Bà cũng đã nhiều lần khuyên giải chị T quay về đoàn tụ cùng anh B. Tuy nhiên mâu thuẫn của anh chị đã ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn bản thân anh B không còn chung thủy nên chị T cương quyết xin ly hôn. Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Hoàng Anh, sinh ngày 18-9-2006 và Phạm Đình Đức sinh ngày 19-02-2012, hiện tại hai cháu đang sống cùng chị T và bà. Chồng bà là ông Đỗ Văn Lâm đã chết vào năm 2014. Hiện tại bà đang làm nông nghiệp và có nhà ở ổn định vì vậy, bà có đủ thời gian để hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc hai con. Chị T hiện đang làm công ty theo giờ hành chính với thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Biên bản lấy lời khai của ông Phạm Văn Bộ và bà Vũ Thị Ba: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh B. Anh B và chị T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND vào ngày 23-11-2005. Sau khi kết hôn anh chị sống cùng ông bà được vài tháng chuyển ra ở riêng tại thửa đất mà ông bà đã cho anh B trước khi anh kết hôn. Đến năm 2018 nhà đất trong diện giải phóng mặt bằng của nhà máy Nhiệt điện nên anh chị được đền bù hơn 1 tỷ đồng và mua đất, xây nhà chuyển đến sống tại khu tái định cư thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn cho đến nay. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021 do làm ăn kinh tế bị thất bại phát sinh mâu thuẫn. Ông bà đã nhiều lần động viên, khuyên giải anh chị đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nhưng không được. Chị T và anh B có 02 con chung là Phạm Thị Hoàng Anh và Phạm Đình Đức. Anh B có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đức còn chị T nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh ông bà nhất trí. Anh B đang lái xe thuê cho công ty ở Hà Nội và thường xuyên về nhà vào ngày nghỉ cuối tuần. Nếu anh được giao nuôi con ông bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Về vấn đề tranh chấp tài sản chung giữa anh B và chị T theo ông bà nguồn gốc hình thành tài sản chung của anh chị tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh là từ số tiền được đền bù thửa đất tại thôn Tiên Xá, xã Lê Ninh mà ông bà đã cho anh B trước khi kết hôn. Về mặt giấy tờ pháp lý ông bà xác định đây là tài sản chung của anh B và chị T nhưng thực tế số tiền hình thành nên tài sản chung này là của riêng anh B không liên quan đến chị T. Về khoản nợ tại Quỹ Tín dụng nhân dân Phúc Thành ông bà có biết anh chị có vay tiền để làm ăn kinh tế tuy nhiên cụ thể số tiền là bao nhiêu ông bà không rõ. Nay chị T đề nghị ly hôn, tranh chấp con chung,

chia tài sản chung khi ly hôn ông bà đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bảng tổng hợp định giá tài sản ngày 14-12-2022: Giá trị còn lại của nhà cửa, vật kiến trúc là: 722.041.000 đồng. Giá trị đất tại thửa đất số 124 (lô số 17), tờ bản đồ số 84 thuộc bộ bản đồ địa chính xã Lê Ninh có giá là 7.200.000 đồng/m2.

Tại phiên tòa:

Chị T trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị xin ly hôn với anh B, đồng ý thoả thuận nuôi dưỡng con chung như anh chị đã thống nhất. Về chia tài sản chung chị xác định công sức của hai vợ chồng ngang nhau và đề nghị được chia ½ diện tích nhà đất, tiền bán xe ôtô còn lại là 280.000.000đ. Chị đồng ý giao nhà đất cho anh B, chị sẽ lấy tiền chênh lệch. Đối với khoản nợ 1.200.000.000 đồng và lãi suất của quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành chị đề nghị được giải quyết phân chia mỗi người phải trả ½. Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và lệ phí định giá chị tự nguyện chịu cả không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B trình bày: Anh đồng ý ly hôn và nuôi dưỡng con chung như anh chị đã thống nhất. Về chia tài sản chung nhà ở một tầng với diện tích 100m^2 và các công trình được xây dựng trên thửa đất mà vợ chồng đang sinh sống tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh tiền bán xe ôtô 280.000.000đ là tài sản chung nên đề nghị Tòa án chia đôi giá trị các tài sản mỗi người được ½ giá trị. Đối với thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh anh xác định đây là tài sản riêng nên đề nghị tòa án không phân chia tài sản này. Khoản nợ 1.200.000.000 đồng và lãi suất tại Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành anh đồng ý chia đôi mỗi người phải trả ½. Anh đồng ý lấy nhà đất và trả tiền chênh lệch tài sản cho chị T.

Đại diện Quỹ tín dụng nhân dân trình bày: Ngày 05-01-2022 chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B tự nguyện ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp vay tiền tại Quỹ tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng anh chị vi phạm nghĩa vụ trả lãi và trả gốc, khoản vay chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 06.1.2023. Tính đến ngày 17-5-2023 anh B chị T còn nợ ngân hàng tổng số tiền 1.300.879.000đ (trong đó nợ gốc 1.200.000.000đ, lãi trong hạn 33.046.000đ, lãi quá hạn 67.833.000đ). Quỹ tín dụng yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh chị phải trả nợ cho ngân hàng số tiền trên ngoài ra còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0722007/HĐTD - ngày 05-01-2022. Nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn kê biên, phát mại tài sản bo đm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo hợp đồng thế chấp tài sản số 035-2019/HĐTC ngày 27.11.2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội

đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 317, 318, 319, 320, 323, 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử :

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Hoàng Anh, sinh ngày 18-9-2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Đình Đức, sinh ngày 19-02-2012 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B và chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T. Xác định khối tài sản chung của chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B gồm quyền sử dụng thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, diện tích 208m^2 trị giá 208m^2 x 7.200.000đ/m^2 = 1.497.600.000đ; giá trị tài sản trên đất trị giá = 722.041.000 đồng; tiền bán xe ô tô nhãn hiệu Innova, BKS 34A 26432 còn lại 280.000.000đ.

Xác định công sức của anh B đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng nhiều hơn chị T nên cho anh B được hưởng 55% giá trị tài sản, chị T 45% giá trị tài sản của thửa đất, còn tài sản trên đất và tiền bán xe chia tỷ lệ 50/50 mỗi người ½ giá trị. Tài sản chung của anh chị gồm quyền sử dụng thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, diện tích 208m^2 trị giá 1.497.600.000đ. Giao cho anh B được hưởng 823.680.000đ, giao cho chị T được hưởng 673.920.000đ; giá trị tài sản trên đất trị giá 722.041.000 đồng, chia ½ chị T và anh B mỗi người được hưởng 361.000.000đ (*đã làm tròn*); tiền bán xe ô tô nhãn hiệu Innova, BKS 34A- 26432 còn lại 280.000.000đ, mỗi người được hưởng 140.000.000đ. Tổng giá trị anh B được hưởng giá trị đất 823.680.000đ + giá trị tài sản trên đất 361.000.000đ+ tiền bán xe 140.000.000đ= 1.324.700.000đ (*đã làm tròn*); chị T được hưởng giá trị đất 674.000.000đ (*đã làm tròn*) + giá trị tài sản trên đất 361.000.000đ (đã làm tròn) + tiền bán xe 140.000.000đ= 1.175.000.000đ.

Giao cho anh Phạm Văn B sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và các công trình trên đất. Anh Phạm Văn B có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho chị Đỗ Thị T số tiền

525.000.000đ (*đã làm tròn*).

Về nợ chung: Xác nhận khoản nợ đối với Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành là nợ chung của anh B và chị T. Buộc anh Phạm Văn B có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 33.046.000 đồng, lãi quá hạn 67.833.000đồng, tổng là 1.300.879.000đồng *(tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17-5-2023*). Kể từ ngày 18-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0722007/HĐTD ngày 05-01-2022 và Hợp đồng thế chấp số 035-2019/HĐTC ngày 27.11.2019.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương diện tích 208m^2 tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia và án phí dân sự sơ thẩm của khoản nợ chung. Anh Phạm Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia và án phí dân sự sơ thẩm của khoản nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T khởi kiện xin ly hôn đối với anh Phạm Văn B có địa chỉ cư trú tại Khu tái định cư thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh B làm ăn thất bại không chăm lo cho kinh tế chung của hai vợ chồng. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn anh B cũng thừa nhận vợ chồng không thể cùng chung sống. Chị T xin ly hôn, anh B đồng ý. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt, việc thuận tình ly hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, hội đồng xét xử cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phạm Thị Hoàng A, sinh ngày 18-9-2006 và Phạm Đình Đ sinh ngày 19-02-2012. Anh chị đã thống nhất giao con chung Phạm Thị Hoàng A, sinh ngày 18-9-2006 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Đình Đ, sinh ngày 19-02-2012 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh B và chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Đây là sự tự nguyện của hai anh chị nên cần được chấp nhận.

Về quan hệ tài sản*:*

Về nguồn gốc hình thành tài sản: Thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Kinh Môn cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19-12-2018 mang tên anh B, chị T. Cả hai anh chị xác nhận tài sản này được tạo lập trong quá trình anh chị chung sống và bằng nguồn tiền được đền bù giải phóng mặt bằng ở khu Tiên Xá. Bản thân anh B xác nhận đây là tài sản riêng của anh vì nguồn tiền được đền bù ở khu Tiên Xá là tài sản riêng của anh. Chị T xác định tài sản chung. Xét thấy toàn bộ quá trình hình thành tài sản là thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84 không có tài liệu nào thể hiện là tài sản riêng của anh B, anh B đã tự nguyện nhập tài vào khối tài sản chung của vợ chồng do vậy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ diện tích đất tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm là tài sản riêng của anh B. Xác định là tài sản chung của anh B, chị T tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, xét về công sức tạo lập Hội đồng xét xử sẽ tính công sức cho anh B nhiều hơn chị T. Ngoài ra vợ chồng còn có ngôi nhà và các tài sản khác trên đất, anh chị xác định là tài sản chung nên cần được chấp nhận.

Xét khoản tiền bán xe ôtô nhãn hiệu Innova BKS 34A 26432: Anh chị đều xác nhận trong thời gian vợ chồng ly thân anh B đã tự ý bán xe được số tiền 335.000.000 đồng và đã trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành còn lại 280.000.000đ. Chị T nhất trí, không có ý kiến về việc bán xe và trả nợ Quỹ tín dụng, chị đề nghị được hưởng ½ số tiền còn lại. Anh B đã bán xe và tự ý chi tiêu riêng hết số tiền trên nên phải trả lại cho chị T phần giá trị được hưởng. Xét thấy đây là sự thoả thuận của đương sự cần được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên HĐXX xác định công sức của anh B đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng nhiều hơn chị T nên cho anh B được hưởng 55% giá trị tài sản, chị T 45% giá trị tài sản là thửa đất, còn tài sản trên đất và tiền bán xe chia tỷ lệ 50/50 mỗi người ½ giá trị. Tài sản chung của anh chị gồm quyền sử dụng thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, diện tích 208m^2 trị giá 208m^2 x 7.200.000đ/m^2 = 1.497.600.000đ. Giao cho anh B được hưởng 1.497.600.000đ x 55% = 823.680.000đ, giao cho chị T được hưởng 1.497.600.000đ x 45% = 673.920.000đ; giá trị tài sản trên đất trị giá = 722.041.000 đồng, chia ½ chị T và anh B mỗi người được hưởng 361.000.000đ (*đã làm tròn*); tiền bán xe ô tô nhãn hiệu Innova, BKS 34A 26432 còn lại 280.000.000đ: 2= 140.000.000đ. Vậy tổng giá trị anh B được hưởng giá trị đất

823.680.000đ + giá trị tài sản trên đất 361.000.000đ+ tiền bán xe 140.000.000đ= 1.324.700.000đ (*đã làm tròn*); chị T được hưởng giá trị đất 674.000.000đ (*đã làm tròn*) + giá trị tài sản trên đất 361.000.000đ + tiền bán xe 140.000.000đ= 1.175.000.000đ.

Do anh B có nguyện vọng được giao nhà đất để sử dụng, chị T đồng ý nhận bằng tiền nên Hội đồng xét xử xét giao nhà cho anh B quản lý sử dụng là phù hợp.

Về nợ chung: Xét hợp đồng tín dụng số 0722007/HĐTD ngày 05-01-2022 anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T ký kết hợp đồng vay quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành vay số tiền 1.200.000.000đ. Quỹ tín dụng giải ngân bằng hình thức giao tiền mặt. Anh B, chị T đã nhận đủ số tiền vay. Tại thời điểm giao kết hợp đồng hai bên thực hiện trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại các Điều 398,399, 400, 401 của Bộ luật dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Các bên thực hiện hợp đồng không có ý kiến gì khác nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh B đã trả lãi khi đến 30-11-2022. Từ ngày 06-1-2023 anh B, chị T vi phạm nghĩa vụ trả lãi và trả gốc. Đối chiếu với các điều khoản trong hợp đồng tín dụng, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng anh B, chị T đã vi phạm về thời hạn trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 05-01-2022 nên Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành yêu cầu anh B, chị T phải trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và quá hạn là có căn cứ.

Về tài sản đảm bảo: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035-2019/HĐTC ngày 27.11.2019 và phụ lục của hợp đồng thế chấp số 001-2022/PLHĐ ngày 05-01-2022 thế chấp tài sản của vợ chồng anh chị là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa số 124, lô 17 tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh để đảm bảo cho khoản vay. Tài sản bảo đảm được Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định có thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và một số tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa hai bên thể hiện sự tự nguyện, có đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng tài nguyên và môi trường thị xã Kinh Môn. Nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nếu trong trường hợp anh B, chị T không trả tiền thì Quỹ tín dụng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp.

Anh B, chị T xác định số tiền 1.200.000.000đ tiền gốc và lãi suất 100.879.000 (*tính đến hết ngày 17.5.2023*) tổng 1.300.879.000đ là khoản vay chung của anh chị nên mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ số tiền trên cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành. Tuy nhiên do anh B nhận sở hữu nhà và đất nên giao cho anh B có trách nhiệm trả khoản vay trên cho Quỹ tín dụng. Chị T được anh B trả giá trị chênh lệch tài sản sau khi trừ đi khoản nợ chung.

Do vậy giá trị còn lại sau khi trừ nợ chung anh B còn được hưởng = 675.000.000đ, chị T còn được hưởng = 525.000.000đ (*đã làm tròn*).

Về giao hiện vật:

Do anh B, chị T thống nhất giao nhà cho anh B sử dụng nên HĐXX sẽ giao cho anh B sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm và toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và các công trình tổng trị giá anh B được hưởng 208m^2 x 7.200.000đ/m^2 = 1.497.600.000đ (*trị giá đất*) + 722.041.000 đồng (*trị giá tài sản trên đất*) + 280.000.000đ (*tiền bán xe ôtô*) = 2.500.000.000đ (*đã làm tròn)*. Anh B phải trả số tiền gốc và lãi vay tính hết ngày 17.5.2023 cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành.

Anh B phải trả chênh lệch tài sản cho chị T là 525.000.000đ (*đã làm tròn*).

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị T tự nguyện nộp cả tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ định giá, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

VÒ ¸n phÝ: Chị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, 25.000.000 đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia và 30.017.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm của khoản nợ chung tổng cộng 55.317.600đ. Đối trừ số tiền 24.300.000đ tạm ứng án phí chị T đã nộp, chị T còn phải nộp thêm 31.017.600đ; anh B phải chịu án phí 31.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia và 30.017.600 đồng dân sự sơ thẩm của khoản nợ chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 317, 318, 319, 320, 323, 357, 398,399, 400, 401, 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Hoàng Anh, sinh ngày 18-9-2006 cho chị Đỗ Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung Phạm Đình Đức, sinh ngày 19-02-2012 cho anh Phạm Văn B tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án của tòa án có hiệu lực

pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của tòa án. Anh B, chị T tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị T. Xác định khối tài sản chung của chị Đỗ Thị T và anh Phạm Văn B gồm quyền sử dụng thửa đất số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại thôn Vĩnh Lâm, xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, diện tích 208m^2 trị giá 1.497.600.000đ; giá trị tài sản trên đất trị giá = 722.041.000 đồng; tiền bán xe ô tô nhãn hiệu Innova BKS 34A 264.32 là 280.000.000đ.

Giao cho anh Phạm Văn B sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, diện tích 208m^2 địa chỉ tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương và toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà và các công trình tổng giá trị anh B được hưởng 1.497.600.000đ (*trị giá đất*) + 722.041.000 đồng (*trị giá tài sản trên đất*) + 280.000.000đ (*tiền bán xe ôtô*) = 2.500.000.000đ (*đã làm tròn*).

Anh Phạm Văn B có nghĩa vụ trả chênh lệch tài sản cho chị Đỗ Thị T số tiền 525.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T có trách nhiệm làm thủ tục đăng ký chuyển quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Xác nhận khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành là nợ chung của anh B và chị T. Buộc anh Phạm Văn B có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành số tiền nợ gốc 1.200.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn 33.046.000 đồng, lãi quá hạn 67.833.000đồng, tổng là 1.300.879.000đồng *(tính đến ngày xét xử sơ thẩm 17-5-2023*).

Kể từ ngày 18-5-2023 cho đến khi thi hành án xong, anh Phạm Văn B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0722007/HĐTD ngày 05-01-2022 và Hợp đồng thế chấp số 035-2019/HĐTC ngày 27.11.2019.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Phạm Văn B vi phạm nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn kê biên, phát mại tài sn bo đm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã Lê Ninh, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương diện tích 208m^2 tại thửa số 124, lô 17, tờ bản đồ số 84, số vào sổ cấp Giấy chứng

nhận CH 00865 do UBND huyện Kinh Môn cấp ngày 19-12-2018 mang tên anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 035-2019/HĐTC ngày 27.11.2019, số chứng thực 157, quyển số 01/2019 TP/SCT/HĐ/GD tại trụ sở UBND xã Lê Ninh; phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035-2019/HĐTC số 001-2022/PLHĐ ngày 05-01-2022 được chứng thực tại trụ sở UBND xã Lê Ninh số chứng thực 10, quyển số 01/2022/SCT/HĐ/GD ngày 05-1-2022.

Toàn bộ số tiền thu được từ phát mại tài sản đảm bảo sau khi trừ các khoản chi phí theo quy định của pháp luật, được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh Phạm Văn B vẫn phi có nghĩa vụ trả hết tiền gốc và tiền lãi phát sinh cho Quỹ tín dụng nhân dân Phúc Thành theo hợp đồng tín dụng số 0722007/H?TD ngày 05-01-2022 cho đến khi tất toán khon vay.

Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 25.000.000 đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia, 30.017.600đ án phí dân sự sơ thẩm của khoản nợ chung. Tổng cộng án phí dân sự sơ thẩm phải nộp được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 24.300.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0001481 ngày 18-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn. Chị Đỗ Thị T còn phải nộp 31.017.600đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Văn B phải nộp 31.000.000 đ án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị tài sản chung được phân chia và 30.017.600đ án phí nợ chung.

Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn B và chị Đỗ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND thị xã Kinh Môn;*
- *Chi cục THADS TX Kinh Môn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Thị Thu Hằng